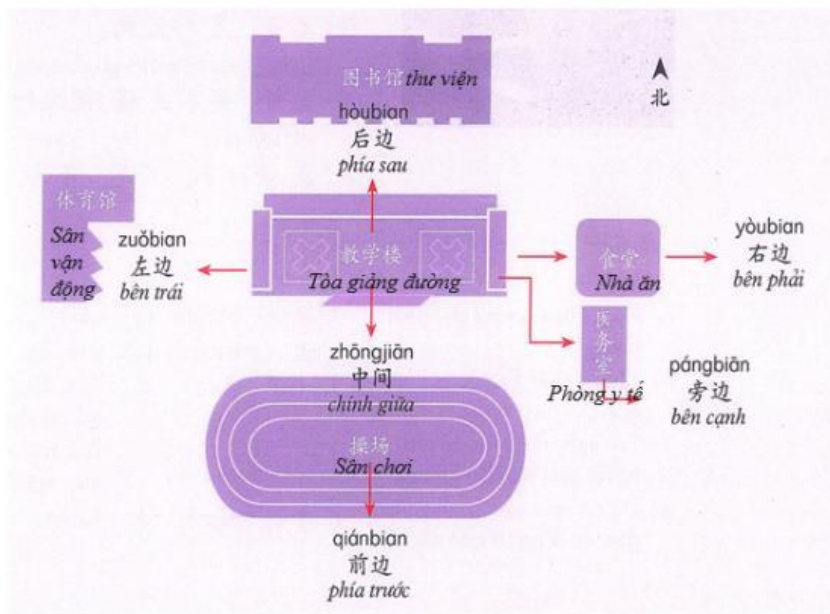




(一) 根据上面图片，选择正确词语 Dựa vào hình trên, chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:

1. 图书馆在教学楼_____。(Thư viện nằm ở _____ tòa giảng đường.)
2. 食堂在教学楼 _____。(Nhà ăn nằm ở _____ tòa giảng đường.)
3. 操场在教学楼_____。(Sân chơi nằm ở _____ tòa giảng đường.)
4. 教学楼在 _____ 和 _____ 中间。(Tòa giảng đường nằm ở giữa _____ và _____.)
5. 医务室在 _____ 旁边。(Phòng y tế nằm ở bên cạnh _____.)

(二) 链接上面词语跟意思相对的图片 Nói các từ ở trên với hình ảnh tương ứng

1. 牛奶

2. 粉色

3. 报纸

4. 手表

5. 杯子

6. 房间



(三) Dựa vào những từ cho sẵn dưới đây, chọn từ thích hợp nhất để điền vào chỗ trống

手表、报纸、粉色、牛奶、送、房间、左边、丈夫、真

1. 桌子上有一杯 _____ 。
2. 她每天早上喜欢看 _____ 。
3. 我想把这本书 _____ 给你。
4. 她的 _____ 很大，也很漂亮。
5. 他的家在学校的 _____ 。
6. 她的 _____ 在公司工作。
7. 我很喜欢 _____ 的衣服。
8. 这个菜 _____ 好吃！
9. 我爸爸有一块新的 _____ 。